

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2022/DS-PT**

Ngày: 25/4/2022

*V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng
đất, tranh chấp chia tài sản chung,
tháo dỡ tài sản trên đất và đòi nhà
cho ở nhờ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Thu Hương**

Các Thẩm phán:

Bà **Đỗ Thị Nhung**

Bà **Nguyễn Thị Lệ Trang**

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Hồng Uyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 19 tháng 4 và ngày 25 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc: *“Tranh chấp chia tài sản chung, tháo dỡ tài sản trên đất và đòi nhà cho ở nhờ”*

Do bản án dân sự sơ thẩm số 81/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 15a/2022/QĐPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2022; Thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 161/TB-TA ngày 22/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Trần H, sinh năm 1973.

Địa chỉ: A3/124, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Lê H, sinh năm 1969.

Địa chỉ: A3/123A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Lê H, sinh năm 1969.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn:

1. Ông Hồ C, sinh năm 1951

Địa chỉ: A3/124, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông C: Ông V, sinh năm 1992; Địa chỉ: 234/14, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: Luật sư Nguyễn T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1945.

Địa chỉ: A3/124B, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê P, sinh năm 1966;

Địa chỉ: A3/155, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Lê N, sinh năm 1967;

Địa chỉ: 50, đường 2, Quốc lộ 51, khu phố Bình Dương, phường Long Bình Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Bà Lê H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 25/6, đường 17, khu phố 5, phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Lê B, sinh năm 1973

Địa chỉ: 113, ấp 4, xã Tân Hạnh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

5. Bà Lê Y, sinh năm 1975

Địa chỉ: A3/123, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

6. Ông Lê L, sinh năm 1976

Địa chỉ: A3/123, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

7. Bà Lê T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: A3/123, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

8. Bà Lê C, sinh năm 1982

Địa chỉ: A3/123, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà P, bà N, bà H, bà B, bà Y, ông L, bà Hoa, bà Hằng: Bà Lê H, sinh năm 1969)

9. Bà Trần A, sinh năm 1963.

Địa chỉ: A3/124, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

10. Bà Trần K, sinh năm 1965

Địa chỉ: A3/124, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

11. Ông Trần V, sinh năm 1967

Địa chỉ: A3/259D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

12. Ông Trần H, sinh năm 1970

Địa chỉ: A3/124, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

13. Bà Lê M, sinh năm 1958.

Địa chỉ: A3/124, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

14. Anh Hồ D, sinh năm 1980

Địa chỉ: A3/124, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

15. Anh Hồ Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: A3/124, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

16. Anh Hồ T, sinh năm 1995

Địa chỉ: A3/124, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

17. Chị Nguyễn N, sinh năm 1980

Địa chỉ: A3/124, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

18. Ông Võ L, sinh năm 1951

Địa chỉ: A3/123C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

19. Bà Lê N, sinh năm 1957.

Địa chỉ: A3/123C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

20. Chị Võ G, sinh năm 1985

Địa chỉ: A3/123C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

21. Anh Võ Q, sinh năm 1994

Địa chỉ: A3/123C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

22. Anh Võ S, sinh năm 1983

Địa chỉ: A3/123C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

23. Chị Trần V, sinh năm 1981

Địa chỉ: A3/123C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

24. Ông Trương M, sinh năm 1953

Địa chỉ: A2/304B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

25. Ông Phạm V, sinh năm 1978

Địa chỉ: 209, tổ 113, khu Mã Long, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.

26. Bà Võ B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: A3/124E, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

27. Bà Hồ T, sinh năm 1979

Địa chỉ: A3/124D, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

28. Ông Đào A, sinh năm 1962

Địa chỉ: A3/162, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

29. Bà Đinh B, sinh năm 1965

Địa chỉ: A3/162, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

30. Anh Đào N, sinh năm 1996

Địa chỉ: A3/162, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

31. Ông Dương P, sinh năm 1961

Địa chỉ: 77/5C, ấp Bình Hóa, xã Hóa An, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

32. Ông Lê V, sinh năm 1967

Địa chỉ: A/122, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

33. Ông Nguyễn Q, sinh năm 1975

Địa chỉ: 12 Trần Phú, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

34. Ông Huỳnh N, sinh năm 1983

Địa chỉ: A3/142C, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

35. Bà Nguyễn U, sinh năm 1933.

Địa chỉ: 1/27 Đinh Đức Thiện, xã Tân Quý Tây, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

36. Bà Hồ C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: D31/1, tổ 3, khu phố 4, phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Ông H, bà Hà, Luật sư T, ông C, ông V, Luật sư T, bà Nhung, ông Trung có mặt; Các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà H trình bày:

Cha, ông của ông H, bà Hà là con Cụ ông Hồ Văn C', sinh năm 1908 (chết 1975) và cụ bà Lê Đ, sinh năm 1910 (chết 1967) có 03 người con gồm:

1. Ông Hồ Thị T, sinh năm 1943 (chết năm 1999)
2. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1945 (chết năm 2014)
3. Ông Hồ C, sinh năm 1951.

Ngoài ra cụ Hồ Văn C' còn sống chung với 02 người vợ kế, cụ thể:

Năm 1952 sống chung với cụ Nguyễn Thị U, sinh năm 1933 (chết năm 2017), bà Út không có con.

Năm 1962 sống chung với cụ Trần Thị M, sinh năm 1929 (chết năm 2005). Cụ Mười và cụ Cần có 05 người con chung:

1. Bà Trần A, sinh năm 1963
2. Bà Trần K, sinh năm 1965
3. Ông Trần V, sinh năm 1967
4. Ông Trần Văn H, sinh năm 1970

5. Ông Trần H, sinh năm 1973.

Riêng mẹ bà Hà là Hồ Thị Tvà cha bà là ông Lê Văn T có 09 người con gồm:

1. Lê P, sinh năm 1966
2. Lê N, sinh năm 1967
3. Lê H, sinh năm 1969
4. Lê H, sinh năm 1971
5. Lê B, sinh năm 1973
6. Lê Y, sinh năm 1975
7. Lê L, sinh năm 1976
8. Lê T, sinh năm 1978
9. Lê Thị Thuý Hằng, sinh năm 1972

Cụ C'chết năm 1975 để lại 02 căn nhà tọa lạc tại A3/124 và A3/124B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và diện tích đất khoảng 28.000m² thuộc thửa 127 và 140, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường Tân Vạn, thành phố Biên Hoà.

Trên thửa đất 127, tờ bản đồ số 25 thì :

- Gia đình ông Trần H quản lý sử dụng diện tích 292,5m² và trên đất có căn nhà với diện tích xây dựng 103m² do gia đình ông H xây dựng từ năm 1991.

- Gia đình bà H quản lý sử dụng diện tích 831,5m², trên đất có căn nhà với diện tích 201m²; 10m² là giếng nước của gia đình bà và phần đường đi chung là 118m².

- Phần còn lại một số anh em cùng các cháu của ông Cần quản lý sử dụng gồm:

+ Căn nhà A3/124 có diện tích xây dựng 690m² trên thửa đất số 127, tờ bản đồ số 25 phường Tdo ông Hồ C và bà Lê M, cùng 04 người con là anh Hồ D, anh Hồ Đ, chị Hồ Thị Cẩm Nhung, anh Hồ T đang sinh sống quản lý.

+ Nhà và đất của bà Trần A có diện tích 79m²

+ Nhà và đất của ông Trần Văn H có diện tích 67m².

+Trên đất, ông C đã chuyển nhượng một phần cho ông bà gồm: ông Đào Tuấn Anh, bà Hồ T, ông Huỳnh N, ông Trương M, bà Võ B, ông Lê V, ông Võ S, ông Võ L, ông Phạm V, bà Đình B, ông Đào N, ông Dương P, ông Nguyễn Q

- Căn nhà A3/124B trên thửa đất số 140, tờ số 25 do ông Hồ Văn T và vợ là bà Nguyễn Thị Hoàng Anh cùng các con ông T, bà Anh đang sinh sống, quản lý.

Khi chết, cụ Hồ Văn C', Lê Thị Đ và bà Trần Thị M không để lại di chúc. Do đó vào năm 1999, mẹ bà Hà là bà Hồ Thị T có khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết "chia thừa kế" với bị đơn là ông Hồ C và Hồ Văn T. Trong quá trình giải quyết thì bà Hồ Thị T chết nên các anh chị em của bà Hà đã rút đơn khởi kiện để giải quyết trong nội bộ gia đình. Tuy nhiên đến nay vẫn không giải quyết được. Do thừa đất đang tranh chấp nên chưa ai có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vì vậy, bà Hà, ông H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung theo quy định pháp luật gồm 02 căn nhà A3/124 và A3/124B cùng diện tích 28.000m² thuộc thửa 127 và 140 tờ bản đồ số 25 tại phường Tân Vạn.

Ngày 26/8/2014, bà H ông H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà xin rút yêu cầu chia tài sản chung đối với căn nhà đất tọa lạc tại A3/124B, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 25.

Ngày 26/8/2018, bà Hà, ông H có đơn xin xác định nội dung yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu chia tài sản chung theo quy định của pháp luật bao gồm: Diện tích 10.628 m² đất số thửa 127, tờ bản đồ 25 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và 01 căn nhà cấp 3 (một trệt, một lầu) có diện tích 690 m² tọa lạc trên diện tích 10.628m² do ông C đang quản lý sử dụng.

Đề nghị Tòa án tuyên vô hiệu toàn bộ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hồ C và các ông bà sau: ông Đào Tuấn Anh, bà Hồ T, ông Huỳnh N, ông Trương M, bà Võ B, ông Lê V, ông Võ S, ông Võ L, ông Phạm V, bà Đinh B, ông Đào N, ông Dương P, ông Nguyễn Q vì việc chuyển nhượng này là trái quy định pháp luật.

Bà Hà, ông H không đồng ý với yêu cầu phản tố của ông C vì phần đất này gia đình bà H đang quản lý sử dụng từ năm 1965 và ông H quản lý sử dụng từ năm 1991 đến nay.

Bị đơn ông Hồ C trình bày:

Cha mẹ ông là cụ ông Hồ Văn Cần, sinh năm 1908 (chết 1975) và cụ bà Lê Thị Đó, sinh năm 1910 (chết 1967) có 03 người con gồm:

1. Ông Hồ Thị Thân, sinh năm 1943 (chết năm 1999)
2. Ông Hồ Văn T, sinh năm 1945 (chết năm 2014)
3. Ông Hồ C, sinh năm 1951.

Ngoài ra cha ông Hồ Văn C' còn sống chung với 02 người vợ kế, cụ thể:

Năm 1952 sống chung với cụ Nguyễn Thị U, sinh năm 1933 (chết năm 2017), bà Út không có con.

Năm 1962 sống chung với cụ Trần Thị M, sinh năm 1929 (chết năm 2005). Cụ Mười và cụ Cần có 05 người con chung:

1. Bà Trần A, sinh năm 1963
2. Bà Trần K, sinh năm 1965
3. Ông Trần V, sinh năm 1967
4. Ông Trần Văn H, sinh năm 1970
5. Ông Trần H, sinh năm 1973.

Ngoài ra cha mẹ ông không có người con nào khác, kể cả con nuôi.

Nguồn gốc 02 căn nhà tọa lạc tại A3/124 và A3/124B, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai và diện tích đất khoảng 28.000m² thuộc thửa 127 và 140, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường Tân Vạn, thành phố Biên Hoà là do cha mẹ ông là cụ Cần và cụ Đó để lại.

Ngày 10/6/1989 tại Ủy ban nhân dân phường Tthì anh em của ông đã làm giấy Biên bản cam kết gia tộc giao cho ông toàn quyền sở hữu sử dụng căn nhà A3/124 và lô đất 15.372m² có xác nhận của Ủy ban dân dân phường Tân Vạn. Hiện tại ông đang quản lý sử dụng căn nhà nói trên và hiện trạng nhà từ trước đến nay vẫn không thay đổi, không xây dựng gì thêm. Do nhu cầu thời điểm đăng ký cấp giấy tờ, cơ quan chuyên môn yêu cầu làm biên bản và cam kết gia tộc thỏa thuận phần của ai được hưởng thì làm 01 bản riêng. Diện tích nhà đất của ông được hưởng đã được đăng ký kê khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chưa có tiền nộp.

Riêng diện tích đất mà Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hoà thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đã khởi kiện Tòa án đã bác đơn là các thửa 138,139,146,148,151,155,157,158,159,164, tờ bản đồ số 25 phường Tlà diện tích đất khác, không liên quan đến việc bà Hà, ông H khởi kiện.

Ông khẳng định hoàn toàn không có tài sản chung gì với ông Trần H và bà Lê H. Tài sản cha mẹ ông để lại đã có cam kết việc chia tài sản chung vào ngày 10/6/1989 tại Ủy ban nhân dân phường Tgiữa ông và các đồng thừa kế đã xong. Ông T đã được nhận 01 lô gạch với diện tích 10.553m². Bà Nguyễn Thị U được chia 2.000m². Bà Trần Thị M cùng 05 con của bà Mười được chia 5.000m². Bà Hồ Thị Tđược chia diện tích 256m² tại địa chỉ A3/123 mà hiện giờ các con bà Thân đang quản lý sử dụng và 01 lô gạch tọa lạc tại quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Còn ông được phân chia 01 căn nhà A3/124 và 01 lô gạch cùng diện tích 15.372.000m². Ông đã sử dụng đến năm 2002 bị giải tỏa một phần. Hiện chỉ còn lại 10.628m² (đất đo bao chung với bà Hồ Thị Thân) diện tích 256m². Do đặc thù

khi thoả thuận chia tài sản ai sở hữu tài sản nào thì các anh em sẽ ký vào giấy tờ của người đó và giấy tờ của ai người đó giữ.

Toàn bộ diện tích đất còn lại trên, ông đã chuyển nhượng một phần cho chị Hồ T vào năm 2003, diện tích 100m²; Năm 2002 chuyển nhượng cho anh Đào A diện tích 100m²; Năm 2002 chuyển nhượng cho ông Dương P diện tích 120m²; Năm 2002 chuyển nhượng cho bà Võ B 1300m².

Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hà, ông vì đây là tài sản của ông đã được các anh em thoả thuận phân chia xong theo biên bản cam kết hội đồng gia tộc ngày 10/6/1989 tại Uỷ ban nhân dân phường Tvà phần đất nhà ông T sở hữu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 08/5/2017, ông C có đơn phản tố yêu cầu ông Trần H giao trả lại căn nhà đất có diện tích là 292,5m² trên thửa đất 127, tờ bản đồ 25 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Buộc bà Lê H khôi phục lại tình trạng ban đầu và giao trả phần diện tích đất đã lấn chiếm khoảng 100m² tại một phần diện tích đất tại thửa đất 127, tờ bản đồ 25.

Bà H đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà P, bà N, bà H, bà B, bà Y, ông L, bà Hoa, bà Hằng trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn. Không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn và đề nghị Tòa nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nhung và cũng là người đại diện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của bà Lợi, bà Nguyễn, ông Duy, ông Trung, ông Hậu trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bị đơn. Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nhà và đất nêu trên đã được gia tộc đồng ý cho lại ông Hồ C được toàn quyền sở hữu theo biên bản và cam kết của gia tộc, đã được chính quyền địa phương xác nhận ngày 10/6/1989 và đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần V trình bày tại bản tự khai:

Ông là con ruột của ông Hồ Văn C' và bà Trần Thị M. Sự việc tranh chấp đất thửa 127, 140 tờ bản đồ số 15 do ông C, ông T quản lý với bà Hà, ông H đang tranh chấp tài sản chung. Ông xác định không ở trên hai thửa đất nêu trên. Vì vậy ông không liên quan và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày tại biên bản lấy lời khai:

Ông là con của ông Hồ Văn C' và bà Trần Thị M. Năm 2000, ông được người anh là Hồ C cho ông diện tích đất khoảng 60m², ông đã xây nhà ở ổn định. Việc tranh chấp giữa bà Lê Thị Hà, ông Hồ C, Hồ Văn T ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần K, bà Trần A trình bày:

Bà là con cụ Hồ Văn C' và cụ Trần Thị M. Cụ Cần và cụ Mười sống chung với nhau vào năm 1960. Bà không tranh chấp gì đối với ông T và ông C và cũng không có yêu cầu chia tài sản chung của cha mẹ để lại vì tài sản đã được thoả thuận phân chia theo lời khai của ông C và ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ L, bà Lê N, Võ G, Võ Q trình bày:

Vợ chồng ông Long, bà Ngọc gọi ông C là cậu. Võ G, Võ Q là con của ông Long, bà Giàu đang cùng sinh sống tại thửa đất. Năm 2003, ông C có cho vợ chồng bà diện tích đất 50m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 25. Vợ chồng ông bà đã xây nhà ở ổn định. Việc tranh chấp đất không liên quan gì đến ông bà. Vì vậy ông bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ S và bà Lê Thị Tuyết Vân trình bày:

Vợ chồng ông Sang, bà Vân gọi ông C là cậu. Năm 2003, ông C có cho vợ chồng ông bà diện tích khoảng 68m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 25. Vợ chồng ông bà đã xây nhà ở ổn định. Việc tranh chấp đất không liên quan gì đến ông bà. Vì vậy ông bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương M trình bày:

Năm 2002, ông có mua của ông Hồ C một mảnh đất trước mặt nhà ngang 25m, dài 20m (500m²), bằng giấy tay. Hiện ông đang quản lý khu đất này. Việc tranh chấp giữa gia đình ông C đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm V trình bày:

Vào năm 2002, ông Dương P có mua đất của ông Hồ C với diện tích 140m². Năm 2011, ông Phước bán lại cho ông bằng giấy tay. Giữa ông và ông C có làm giấy cam kết bán đất. Hiện ông đang quản lý sử dụng chưa xây dựng nhà. Việc tranh chấp giữa gia đình ông C đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu Ba trình bày:

Năm 2001 bà có quan hệ mua bán đất với ông C và bà Lợi nhiều lần. đến ngày 01/01/2003, làm giấy tờ mua bán với diện tích 140m². Tổng hợp lại các lần trước là 1.160m². Trước đó ông C có mượn tiền của bà không có tiền trả nên ông C trao đổi đất cầm trả.

Năm 2002, bà đăng ký kinh doanh nhà trọ, hiện tại đã xây dựng 31 phòng trọ đang cho thuê. Việc gia đình ông C tranh chấp trong đó có phần đất của bà thì bà không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Còn phần đất bà đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông C thì vợ chồng ông C phải có trách nhiệm với bà vì khi trao đổi đất vợ chồng ông C xác định là đất của vợ chồng ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ T trình bày:

Vào năm 2003, bà có mua của ông C diện tích 100m² thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 25. Việc ông C bán đất cho bà thì ông C phải chịu trách nhiệm. Việc tranh chấp đất giữa gia đình ông C không liên quan đến bà. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào A, bà Đinh B, Đào N trình bày tại bản tự khai:

Ông Tuấn, bà Bình là vợ chồng; anh Trọng là con của ông Tuấn, bà Bình. Vào ngày 30/10/2002, ông Tuấn có mua của ông Hồ C một thửa đất có diện tích 100m² với số tiền 20.000.000 đồng, có làm giấy tay. Sau khi mua bán không thấy có tranh chấp nên ông tiến hành xây dựng nhà ở cho đến nay. Ông có kê khai đăng ký và đóng thuế đầy đủ. Việc tranh chấp đất giữa gia đình ông C không liên quan đến ông. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương P trình bày:

Năm 2002, ông có mua đất của ông C diện tích ngang 7m, dài 20m. Năm 2012, ông có chuyển nhượng lại cho ông Phạm V toàn quyền sử dụng. Việc tranh chấp đất giữa gia đình ông C không liên quan đến ông. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê V trình bày:

Ngày 26/6/2007, ông có mua đất của ông C với diện tích 25m². Nay ông không có ý kiến gì, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Q trình bày:

Ngày 06/10/2009, ông có mua lại của ông Lê Hữu Phước diện tích ngang 7m, dài 20m. Nguồn gốc đất là ông Phước mua của ông C. Ngày 11/8/2014, ông đã cho nhà và đất cho ông Huỳnh N và hiện gia đình ông Ngọc đang sinh sống. Việc tranh

chấp đất giữa gia đình ông C không liên quan đến ông. Ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Q trình bày:

Ngày 11/8/2014, ông Nguyễn Q có cho ông nhà và đất có diện tích 140m² thuộc thửa 127, tờ bản đồ số 25. Việc tranh chấp đất giữa gia đình ông C đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U trình bày:

Bà là vợ thứ 2 của ông Hồ Văn Cần, ông Cần mất năm 1975. Giữa bà và ông Cần không có con chung. Từ năm 1975, bà đã đến sống tại Thành phố Hồ Chí Minh. Việc ông H, bà H tranh chấp đất với ông C, ông T bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 81/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa:

Áp dụng Bộ luật dân sự 2005; Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao; Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Nghị quyết số: 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần H và bà Lê H về việc “Tranh chấp chia tài sản chung” đối với ông Hồ C.
2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Trần H và bà Lê H về việc “Tranh chấp chia tài sản chung” đối với ông Hồ Văn T.
3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Hồ C về việc “Tháo dỡ tài sản trên đất và đòi nhà cho ở nhờ” đối với ông Trần H và bà Lê H.

Buộc bà Lê H phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, tháo dỡ phần mái hiên, lợp tôn, phần tường rào gắn lưới B40; Buộc ông Trần H trả lại căn nhà đất nằm trên thửa đất 127, tờ bản đồ 25 tọa lạc tại phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai có tổng diện tích là 292,5m² được giới hạn bởi các cột mốc 36,37,38,39,66,36 theo bản đồ hiện trạng khu đất số 858/2017 ngày 04/12/2017, bản vẽ hiện trạng nhà ngày 04/12/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - chi nhánh Biên Hoà.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm trả, việc thi hành bản án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 25/9/2020 nguyên đơn bà Lê H và ông Trần H có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 81/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm do bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa là không khách quan, không đúng quy định pháp luật, vi phạm nghiêm trọng quyền sở hữu tài sản, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn.

Ngày 02/10/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa có Quyết định kháng nghị số 1730/QĐ-KNPT-DS: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; Viện kiểm sát giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa phúc thẩm: Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng nội dung của vụ án, khối tài sản này bị đơn đã xác nhận trên diện tích đất 831,5m² đất còn các thành viên khác trong gia đình đang sử dụng, do vậy tài sản chung này không được gọi là đã chia theo văn bản thỏa thuận năm 1989, trên thực tế các đương sự vẫn đang quản lý diện tích đất của mình, bà Thân thời điểm năm 1989 được chia đất lò gạch là không chính xác, đối với bản cam kết ngày 10/6/1989 thì tại thời điểm ký bản cam kết ông H chưa đủ 18 tuổi, ông H và bà H cũng không thừa nhận chữ ký của ông bà trong bản cam kết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại điều tra bổ sung, đưa người tham gia tố tụng vào cho đầy đủ.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm: Ông H không chứng minh được căn nhà ông xây dựng là được cho theo bản cam kết gia tộc, bà H cho rằng bản cam kết ngày 10/6/1989 là giả nhưng không chứng minh được, ông C đã chứng minh được bản cam kết các đồng thừa kế đã phân chia tài sản có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Tân Vạn, do đó tài sản này thuộc quyền quản lý sử dụng của ông C. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa cho rằng không đưa người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T vào tham gia tố tụng là không cần thiết vì nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện đối với ông T. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông H, bà Hà, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 81/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của

pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

- Về xác định quan hệ pháp luật: Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ pháp luật là tháo dỡ tài sản trên đất và đòi lại nhà cho ở nhờ là chưa đầy đủ mà phải xác định thêm quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa:

Căn nhà và đất tại địa chỉ A3/124B thuộc thửa 140 tờ bản đồ số 25 phường T, thành phố B hiện đang do ông Hồ Văn T cùng vợ con quản lý, sử dụng, quá trình giải quyết bị đơn ông Hồ Văn T chết mặc dù nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu đối với nhà, đất tại địa chỉ A3/124B thuộc thửa 140 tờ bản đồ số 25 phường T do ông Hồ Văn T quản lý, sử dụng, nhưng nhà, đất tại địa chỉ A3/124 thuộc thửa 127 tờ bản đồ số 25 có nguồn gốc là di sản thừa kế của cụ Hồ Văn C' chết để lại nên phải xác định các con của cụ C' là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ông Hồ Văn T chết thì phải xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T để đưa vào tham gia tố tụng, nhưng cấp sơ thẩm không đưa người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông T vào tham gia tố tụng là bỏ sót.

Nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung có nguồn gốc là di sản của cụ Hồ Văn C', bị đơn cho rằng toàn bộ tài sản của cụ C' thì các đồng thừa kế đã thỏa thuận phân chia xong, phần của bà Thân (mẹ của nguyên đơn bà Lê H) đã được chia nhà đất và 02 xe Ben, lò gạch ở Thủ Đức, cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ đối với phần tài sản này để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ hiện nay căn nhà mà ông C' yêu cầu ông H phải trả thì có những ai đang sinh sống trong căn nhà này để buộc họ cùng có nghĩa vụ giao trả, tại phiên tòa phúc thẩm ông H cho biết hiện nay ngoài ông đang sinh sống trên căn nhà thì còn có 06 người nữa gồm vợ, con, cháu nội của ông đang cùng sinh sống, nhưng cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc một mình ông H trả lại căn nhà. Đồng thời đối với yêu cầu buộc bà H khôi phục lại tình trạng ban đầu và giao trả lại diện tích đã lấn chiếm khoảng 100m², cấp sơ thẩm cũng không xác minh làm rõ hiện có bao nhiêu người đang sinh sống trên phần nhà đất mà ông C' yêu cầu mà chỉ tuyên buộc một mình bà H phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, tháo dỡ phần mái hiên, lợp tôn, phần tường rào gắn lưới B40, là xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, bỏ sót tư cách tố tụng của những người đang sinh sống trong nhà, đất tranh chấp.

Mặt khác, bị đơn phản tố yêu cầu bà Lê H khôi phục tình trạng ban đầu trả lại diện tích lấn chiếm khoảng 100m², cấp sơ thẩm chỉ nhận định và giải quyết buộc bà H phải khôi phục tình trạng ban đầu, tháo dỡ mái hiên, lợp tôn, phần tường

rào găng lưới B40 mà không tuyên buộc bà H phải trả lại diện tích đất bao nhiêu là chưa giải quyết hết yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Về án phí: Cấp sơ thẩm tuyên nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của bị đơn được chấp nhận là trái với quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

Do cấp sơ thẩm giải quyết đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, bỏ sót tư cách tố tụng của đương sự, chưa giải quyết hết yêu cầu phản tố của bị đơn, cách tuyên về án phí không phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng cáo của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận một phần. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Trần H và bà Lê H; Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa; Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 81/2020/DSST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Chuyển hồ sơ cho TAND thành phố Biên Hòa giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Trần H, bà Lê H gửi đơn kháng cáo trong thời hạn và đóng tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần H và bà Lê H về việc yêu cầu chia tài sản chung có nguồn gốc là di sản thừa kế của cụ Hồ Văn C' (chết năm 1975) đối với tài sản là căn nhà tại địa chỉ A3/124 phường Tvà diện tích 15.000m² đất thuộc thửa 127 tờ bản đồ số 25 phường T, thành phố B do ông Hồ C đang quản lý, sử dụng và căn nhà A3/124B và diện tích 13.000m² thuộc thửa 140 tờ bản đồ số 25 phường T, thành phố B do ông Hồ Văn T đang quản lý, sử dụng.

Ngày 26/8/2014, bà Hà, ông H có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với căn nhà đất tọa lạc tại A3/124B, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hoà thuộc thửa đất số 140, tờ bản đồ số 25.

Ngày 18/7/2011, ông Hồ C có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Trần H giao trả lại căn nhà đất có diện tích 192,5m² trên thửa 127 tờ bản đồ số 25 phường Tvà buộc bà Lê H khôi phục lại tình trạng ban đầu và giao trả lại diện tích đã lấn chiếm

khoảng 100m² thuộc một phần của thửa đất số 27 tờ bản đồ số 25 phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Nhận thấy:

[2.1] Về xác định quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật chia tài sản chung là phù hợp.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu ông Trần H giao trả lại căn nhà đất có diện tích 292,5m² trên thửa 127 tờ bản đồ số 25 phường Tvà buộc bà Lê H khôi phục lại tình trạng ban đầu và giao trả lại diện tích đã lấn chiếm khoảng 100m² thuộc một phần của thửa đất số 27 tờ bản đồ số 25 phường Tân Vạn, cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tháo dỡ tài sản trên đất và đòi lại nhà cho ở nhờ là chưa đầy đủ, còn thiếu quan hệ tranh pháp luật là chấp quyền sử dụng đất.

[2.2] Về xác minh, thu thập chứng cứ và xác định tư cách tố tụng của đương sự:

Nhà, đất tại địa chỉ A3/124 thuộc thửa 127 tờ bản đồ số 25 và nhà, đất tại địa chỉ A3/124B thuộc thửa 140 tờ bản đồ số 25 phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai các đương sự thừa nhận có nguồn gốc là di sản của cụ Hồ Văn C' (chết năm 1975) để lại. Căn nhà và đất tại địa chỉ A3/124 thuộc thửa 127 tờ bản đồ số 25 phường Thiện đang do ông Hồ C cùng vợ và các con đang quản lý sử dụng, đồng thời ông C còn chuyển nhượng cho một số người khác. Căn nhà và đất tại địa chỉ A3/124B thuộc thửa 140 tờ bản đồ số 25 phường T, thành phố B hiện đang do ông Hồ Văn T cùng vợ con quản lý, sử dụng. Quá trình giải quyết bị đơn ông Hồ Văn T chết năm 2014. Mặc dù nguyên đơn đã có đơn xin rút một phần yêu cầu đối với nhà, đất tại địa chỉ A3/124B thuộc thửa 140 tờ bản đồ số 25, phường T do ông Hồ Văn T quản lý, sử dụng, nhưng nhà, đất tại địa chỉ A3/124 thuộc thửa 127 tờ bản đồ số 25 có nguồn gốc là di sản thừa kế của cụ Hồ Văn C' chết để lại nên phải xác định các con của cụ C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Ông Hồ Văn T chết thì phải xác định người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T để đưa vào tham gia tố tụng, nhưng cấp sơ thẩm không đưa người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông T vào tham gia tố tụng là bỏ sót.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Hồ C về việc yêu cầu ông Trần H giao trả lại căn nhà đất có diện tích 292,5m² trên thửa 127 tờ bản đồ số 25 phường Tvà buộc bà Lê H khôi phục lại tình trạng ban đầu và giao trả lại diện tích đã lấn chiếm khoảng 100m² thuộc một phần của thửa đất số 27 tờ bản đồ số 25 phường Tân Vạn. Cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ hiện nay căn nhà mà ông C yêu cầu ông H phải trả thì có những ai đang sinh sống trong căn nhà này để buộc họ cùng có nghĩa vụ giao trả.

Tại cấp phúc thẩm ông H cho biết hiện nay ngoài ông đang sinh sống trên căn nhà thì còn có 06 người nữa gồm vợ, con, cháu nội của ông đang cùng sinh sống, nhưng cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc một mình ông H trả lại căn nhà. Đồng thời đối với yêu cầu buộc bà H khôi phục lại tình trạng ban đầu và giao trả lại diện tích đã lấn chiếm khoảng 100m², cấp sơ thẩm cũng không xác minh làm rõ hiện có bao nhiêu người đang sinh sống trên phần nhà đất mà ông C yêu cầu. Tại cấp phúc thẩm, bà H cho biết hiện nay gia đình bà gồm có 11 người đang sinh sống, nhưng cấp sơ thẩm chỉ tuyên buộc một mình bà H phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, tháo dỡ phần mái hiên, lợp tôn, phần tường rào gắn lưới B40, là xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, bỏ sót tư cách tố tụng của những người đang sinh sống trên nhà, đất tranh chấp sẽ khó khăn cho công tác thi hành án.

[2.3] Về nội dung yêu cầu phản tố:

Ông Hồ C phản tố yêu cầu bà Lê H khôi phục tình trạng ban đầu trả lại diện tích lấn chiếm khoảng 100m², nhưng cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ làm rõ có việc bà H lấn chiếm diện tích của ông C hay không, nếu có thì diện tích lấn chiếm cụ thể như thế nào là chưa giải quyết triệt để yêu cầu phản tố của bị đơn.

[2.4] Về án phí: Cấp sơ thẩm tuyên nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định pháp luật. Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu của bị đơn được chấp nhận là trái với quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, nhận thấy do cấp sơ thẩm giải quyết đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, bỏ sót tư cách tố tụng của đương sự, chưa giải quyết hết yêu cầu phản tố của bị đơn, cách tuyên về án phí không phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng cáo của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận một phần. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[2.5] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[2.6] Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[2.7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Trần H và bà Lê H.

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa.

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 81/2020/DSST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng: Sẽ được quyết định khi cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn ông Trần H, bà Lê H không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho ông H, bà H số tiền tạm ứng án phí mỗi người 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông H, bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007271 và 0007270 cùng ngày 05/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp.Biên Hòa;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Thu Hương